

KINH TẾ - XÃ HỘI**QUAN HỆ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM - HOA KỲ
SAU KHI KÝ HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI VIỆT NAM - HOA KỲ**

PGS.TS Lưu Ngọc Trinh
Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới

Ngày 13/7/2000, tại Washington, Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ đã được chính thức ký kết giữa Bộ trưởng Thương mại Việt Nam Vũ Khoan và Đại diện Thương mại Hoa Kỳ Charlene Bashefsky, kết thúc 4 năm đàm phán liên tục. Hiệp định được xây dựng trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, tôn trọng độc lập, chủ quyền của nhau. Hai bên cũng tuân thủ các nguyên tắc và tiêu chuẩn thương mại quốc tế, nhưng có tính đến Việt Nam là một nước đang phát triển ở trình độ thấp, còn đang trong quá trình chuyển đổi cơ chế kinh tế và hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới.

Hiệp định về quan hệ thương mại nhưng không chỉ đề cập tới lĩnh vực thương mại hàng hoá mà còn bao gồm cả các lĩnh vực đầu tư, sở hữu trí tuệ. Khái niệm "thương mại" ở đây được đề cập theo nghĩa rộng, hiện đại, theo tiêu chuẩn của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

1. Tổng quan về Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ

Sau khi BTA Việt Nam - Hoa Kỳ có hiệu lực, quan hệ kinh tế - thương mại đôi bên có bước phát triển mạnh

mẽ, đầy ấn tượng. Việt Nam đã đạt được những thành tựu trong việc thực thi các cam kết BTA. Việc ký kết Hiệp định thương mại với Hoa Kỳ giúp cho hàng hoá nước ta không bị phân biệt đối xử tại thị trường Hoa Kỳ, mang lại cơ hội giao lưu thương mại cho cả đôi bên, nhanh chóng đưa Hoa Kỳ trở thành thị trường hàng đầu cho hàng xuất khẩu Việt Nam, đóng góp đáng kể vào doanh thu xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế của nước ta.

Những kết quả đạt được trong quan hệ thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ:

Hiệp định Thương mại song phương Việt Nam - Hoa Kỳ có hiệu lực từ ngày 10/12/2001 đã tác động khá toàn diện đến cơ cấu kinh tế Việt Nam. Từ thời gian đó, kim ngạch thương mại hai chiều đã tăng từ 2,9 tỷ USD năm 2002 lên 11,3 tỷ USD năm 2007, đạt nhịp độ tăng trưởng bình quân 31,2%/năm giai đoạn 2002-2007.

Sự bùng nổ thương mại này có được nhờ tốc độ tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ của Việt Nam cũng như việc các công ty Hoa Kỳ cung cấp thiết bị, nguyên liệu, công nghệ và kỹ năng quản lý vào cơ sở công nghiệp đang phát triển của Việt Nam.

Về xuất khẩu từ Việt Nam sang Hoa Kỳ: Ngay trong năm đầu thực hiện BTA, hàng hoá của Việt Nam xuất khẩu vào Hoa Kỳ đã tăng tới 128%. Sau khi Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ có hiệu lực (11/12/2002), thuế nhập khẩu nâng cao tính cạnh tranh về giá cho hàng hoá của Việt Nam trên thị trường này. Việc Hoa Kỳ cắt giảm thuế suất hàng loạt theo Hiệp định Thương mại đã tạo điều kiện cho hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ tăng trưởng nhanh, đặc biệt trong các năm 2002 và 2003, chủ yếu là về sản phẩm chế tác, trong đó chủ yếu là hàng dệt may.

Sau năm 2003, tăng trưởng xuất khẩu sang Hoa Kỳ chậm lại, chủ yếu do kết quả xuất khẩu hàng dệt may, vì vào tháng 5/2003, xuất khẩu hàng dệt may bắt đầu phải chịu chế độ áp đặt hạn ngạch xuất khẩu theo thoả thuận giữa hai bên (Thực hiện Hiệp định về Hàng dệt may Việt Nam - Hoa Kỳ). Tuy nhiên, xuất khẩu một loạt các sản phẩm chế tác khác tiếp tục tăng mạnh. Nhịp độ tăng trưởng bình quân kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ giai đoạn 2002-2007 là 31,2%/năm. Dù vậy, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu sang Hoa Kỳ trong 9 tháng đầu năm vẫn thấp hơn nhiều so với tốc độ tăng trưởng hàng năm của hai năm 2005 và 2006.

Bảng 1: Kim ngạch thương mại hai chiều Việt Nam - Hoa Kỳ

Đơn vị: Triệu USD

Năm	2002	2005	2006	2007	Tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2002-2007(%)
Tổng kim ngạch	2.911	6.787	8.811	11.300	31,2
Xuất khẩu	2.453	5.924	7.829	10.500	33,7
Nhập khẩu	458	863	982	1.800	32,0
Cán cân thương mại	1.995	5.061	6.847	9.500	

Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam

Từ một thị trường tương đối nhỏ của hàng xuất khẩu Việt Nam, Hoa Kỳ đã vượt qua các nước khác và trở thành thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam, với thị phần ước đạt xấp xỉ 20% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam. Sau 5 năm, kim ngạch 2 chiều Việt Nam - Hoa Kỳ từ 2,4 tỷ USD năm 2002 đã tăng lên 10,5 tỷ

USD năm 2007. Tuy nhiên, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam còn chiếm tỷ trọng rất nhỏ (chỉ khoảng 0,3 - 0,5%) trong tổng nhập khẩu hàng hoá của Hoa Kỳ vì thị trường nhập khẩu hàng hoá của Hoa Kỳ lớn nhất thế giới. Năm 2005 tổng nhập khẩu hàng hoá dịch vụ của Hoa Kỳ đạt 1.992 tỷ USD.

Bảng 2: Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu Việt Nam sang Hoa Kỳ, theo sản phẩm

	2002	2003	2004	2005	2006	T1 - 9/2007	T1 -9/2007
Tốc độ tăng trưởng so với kỳ trước (%)							Triệu USD
Tổng xuất khẩu	127	90	16	26	29	20	7.701
Sản phẩm thô	21	28	3	29	31	-4	1.532
Cá và hải sản	29	19	-22	11	4	13	511
Rau quả	52	39	74	-3	4	19	162
Cà phê	-30	43	50	38	30	63	239
Mủ cao su	267	18	31	35	35	26	24
Xăng dầu	-1	54	26	73	71	-33	511
Sản phẩm thô khác	90	25	10	18	8	13	85
Sản phẩm chế tác	504	134	21	25	29	28	6.168
Khoáng sản phi kim loại	122	40	14	25	28	8	41
Kim loại	100	100	94	106	88	65	147
Thiết bị xử lý dữ liệu	-	263	-20	119	75	29	166
Thiết bị viễn thông	-	930	87	203	177	60	133
Đồ gỗ	515	135	105	79	29	37	103
Hàng hoá cho du lịch	4.900	72	28	4	2	13	103
Quần áo	1.775	164	8	6	18	28	3.215
Giày dép	70	45	45	52	33	9	798
Các sản phẩm chế tác khác trong danh mục phân loại	833	75	88	72	56	62	277
Sản phẩm chế tác khác	305	136	32	54	76	37	711
Xuất khẩu ngoài dầu thô	-	93	15	22	25	28	7.190

Nguồn: Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ, cơ sở Dữ liệu thương mại (trang thông tin điện tử www.ustic.gov)

Về mặt hàng xuất khẩu, dẫn đầu xu hướng tăng trưởng này là mức tăng của các mặt hàng may mặc xuất khẩu trong 2 năm 2002-2003. Năm 2003, mặt hàng may mặc xuất khẩu chiếm khoảng 50% tổng giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ. Với việc thực hiện Hiệp định Hàng dệt may Việt Nam - Hoa Kỳ, theo đó đặt ra các hạn mức định lượng đối với mức tăng trưởng

xuất khẩu vào khoảng 7% bắt đầu từ tháng 5-2003, tỷ lệ tăng trưởng xuất khẩu nói chung của Việt Nam sang Hoa Kỳ đã giảm đáng kể.

BTA đã góp phần làm thay đổi diện mạo các sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam. Từ chỗ hàng xuất khẩu của Việt Nam chủ yếu là sản phẩm sơ chế, thì sau 5 năm, hàng tinh chế đã chiếm tới 75%, nổi bật nhất là gỗ, máy xử lý số

liệu, thiết bị viễn thông, hàng phục vụ du lịch, đồ nhựa, đồ chơi trẻ em... Các mặt hàng xuất khẩu chế tác khác ngoài các mặt hàng may mặc sau mỗi năm thực hiện Hiệp định Thương mại có mức tăng trưởng cao hơn. Các mặt hàng này đã trở thành bộ phận tăng trưởng nhanh nhất trong nhóm hàng chế tác xuất khẩu trong giai đoạn 2004-2006 và chiếm khoảng gần 1/2 tổng giá trị hàng chế tác xuất khẩu trong năm 2006. Trong khi may mặc, giày dép và đồ gia dụng xuất khẩu là các mặt hàng chế tác xuất khẩu, thì việc xuất khẩu các mặt hàng xử lý số liệu, các thiết bị viễn thông, máy móc điện, hàng phục vụ du lịch và các sản phẩm chế tác khác như đồ chơi và đồ dùng bằng nhựa cũng tăng trưởng mạnh trong vài năm gần đây.

Trước khi BTA Việt Nam - Hoa Kỳ có hiệu lực, các sản phẩm thô chiếm tỷ lệ gần 80% tổng xuất khẩu sang Hoa Kỳ, sang năm 2007 đã giảm xuống chỉ còn 20%. Việc giảm tỷ lệ các sản phẩm thô xuất khẩu sang Hoa Kỳ chủ yếu là do gia tăng lợi thế cạnh tranh về xuất khẩu dệt may và sản phẩm chế tác khác mà Việt Nam có lợi thế cạnh tranh mạnh đối với Hoa Kỳ. Xuất khẩu các sản phẩm thô khác, bao gồm cá và hải sản, rau quả và cà phê vẫn tiếp tục đạt mức tăng trưởng tương đương như các năm gần đây.

Nguyên nhân đưa đến mức tăng cao kể trên là do các doanh nghiệp hai nước khai thác được những thuận lợi mà BTA Việt Nam - Hoa Kỳ đem lại. Việc bình thường hoá quan hệ kinh tế với Hoa Kỳ đã mở cửa cho hàng xuất khẩu Việt Nam vào thị trường Hoa Kỳ một cách nhanh chóng. Hiện nay, Hoa Kỳ đã là thị trường xuất khẩu số một của Việt Nam (đồng thời cũng là thị trường xuất siêu số 1 của Việt Nam).

Theo BTA, nghĩa vụ chính của phía Hoa Kỳ kể từ khi Hiệp định có hiệu lực là phải trao cho Việt Nam Quy chế Thương mại bình thường/Quy chế tối huệ (NTR/MFN). Cụ thể, Hoa Kỳ phải cắt giảm thuế suất nhập khẩu trung bình đối với hàng nhập khẩu của Việt Nam vào Hoa Kỳ từ 40% xuống còn 4%, trong khi Việt Nam chỉ cắt giảm thuế suất đối với 261 hạng mục thuế quan. Điều này đồng nghĩa với việc thị trường to lớn của Hoa Kỳ đã được mở rộng cho hàng hoá của Việt Nam.

+ Nhập khẩu từ Hoa Kỳ về Việt Nam đạt nhịp độ tăng trưởng bình quân 32%/năm giai đoạn 2002-2007.

Trong 9 tháng đầu năm 2003, nhập khẩu từ Hoa Kỳ về Việt Nam đã vượt con số 1 tỷ USD và đạt mức tăng trưởng cao 231,1%, chủ yếu do Việt Nam mua máy bay từ Hoa Kỳ, đạt 713,3 triệu USD, chiếm hơn 60% tổng nhập khẩu từ Hoa Kỳ. Các mặt hàng nhập khẩu khác như bông, chất dẻo, giày dép đều có mức tăng trưởng khiêm tốn từ 20 đến 50%, ngoại trừ thiết bị y tế - phẫu thuật - quang học (115,4%) và phương tiện giao thông (136,5%). Riêng nhập khẩu phân bón trong 9 tháng đầu năm 2003 giảm đến hơn 80% so với cùng kỳ năm 2002. Năm 2007 có thể coi là năm đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất của hàng nhập khẩu Hoa Kỳ về Việt Nam. Năm 2007, đạt 1,8 tỷ USD, tăng 83% so với năm 2006.

Phần lớn mức tăng trưởng nhập khẩu trong năm 2007 là nhờ các sản phẩm thô, đặc biệt là nhập khẩu lương thực, với kim ngạch gấp ba lần so với cùng kỳ năm trước, và sợi may mặc, tăng 67%.

Một điều đặc biệt là nhập khẩu máy móc 9 tháng đầu năm 2007 đạt 269 triệu USD, tăng 45% so với 9 tháng đầu năm 2006. Máy móc chiếm

khoảng 1/3 tổng giá trị mặt hàng nhập khẩu chế tác từ Hoa Kỳ sang Việt Nam.

Nhập khẩu ô tô trong năm 2007 tăng từ mức 34 triệu USD năm 2006 lên 120 triệu USD trong 9 tháng đầu năm, tăng trưởng 576% so với cùng kỳ năm trước. Điều này phần lớn nhờ nhu cầu tăng vọt xe hơi đắt tiền của một nhóm người có thu nhập cao tại Việt Nam. Xe hơi Hoa Kỳ đã trở nên rất quen thuộc ở Việt Nam - việc nhập khẩu nguyên chiếc từ Hoa Kỳ có xu hướng là nhập khẩu xe hơi hạng sang và tương đối đắt tiền.

Hiện nay, Việt Nam đang nằm trong số các thị trường châu Á có mức tăng trưởng nhập khẩu hàng hoá từ Hoa Kỳ nhanh nhất và Hoa Kỳ hiện cũng là nhà cung cấp hàng hoá lớn thứ 6 của Việt Nam và là quốc gia phương Tây duy nhất trong nhóm các quốc gia cung cấp hàng hoá nhiều cho Việt Nam. Các thành viên còn lại là khối ASEAN, Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc và Nhật Bản.

Cán cân thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ đang có sự mất cân bằng. Sự thâm hụt mậu dịch của Hoa Kỳ với Việt Nam là rất lớn. Việt Nam đang xuất siêu lớn sang Hoa Kỳ. Phía Hoa Kỳ mong muốn tăng cường thâm nhập hàng hoá của Hoa Kỳ vào thị trường Việt Nam để giảm tỷ lệ nhập siêu của Hoa Kỳ. Đồng thời, đề nghị Chính phủ Việt Nam khuyến khích các đối tác Việt Nam tăng cường nhập hàng hoá từ Hoa Kỳ.

Hiện đã có hơn 1000 doanh nghiệp Hoa Kỳ, trong đó nhiều tập đoàn lớn hoạt động tại Việt Nam như: IBM, Citi group, Boeing, Intel... Các doanh nghiệp Hoa Kỳ cũng đã thành lập phòng thương mại tại Việt Nam ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Các

doanh nghiệp Hoa Kỳ ngày càng quan tâm tới thị trường Việt Nam hơn.

2. Quan hệ thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ.

Về quan hệ đầu tư giữa hai nước: Những sự kiện có tác động thúc đẩy tăng thu hút đầu tư vào Việt Nam, đó là việc Việt Nam gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO); Quốc hội Hoa Kỳ trao quy chế "Quan hệ thương mại bình thường vĩnh viễn" (PNTR) đối với Việt Nam; Hiệp định khung về thương mại và đầu tư (TIFA) được ký kết... đã góp phần thúc đẩy hợp tác kinh tế đầu tư giữa hai nước vốn còn nhiều tiềm năng to lớn.

Có nhiều yếu tố góp phần làm cho Việt Nam trở thành một điểm đến ngày càng hấp dẫn đối với đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), đó là các cam kết sâu rộng và có tính ràng buộc của Việt Nam theo BTA Việt Nam - Hoa Kỳ và các hiệp định khác của WTO. Cụ thể, BTA đòi hỏi phải thực hiện căn bản về chính sách và thủ tục đầu tư. Khái niệm đầu tư đã được mở rộng để bao quát hết mọi hình thức đầu tư của BTA, dỡ bỏ cơ chế định giá kép và các biện pháp có tính phân biệt đối xử... Năm 2006, Việt Nam đã thu hút tổng cộng tới 12 tỷ USD vốn FDI, tăng 375%. Trong năm 2007, FDI tăng lên tới 21 tỷ USD, theo đó nhiều dự án "tỷ USD" có tính khả thi cao. Riêng tổng vốn đầu tư của các doanh nghiệp Hoa Kỳ vào Việt Nam tính đến thời điểm tháng 10/2007 đã đạt 5,2 tỷ USD (tính cả đầu tư của doanh nghiệp Hoa Kỳ qua nước thứ ba) với 418 dự án, đứng hàng thứ 6 trên tổng số 81 quốc gia và vùng lãnh thổ có vốn đầu tư trực tiếp tại Việt Nam. Con số này đã đặt Hoa Kỳ vào hàng các nhà đầu tư lớn nhất ở Việt Nam.

Để đánh giá một cách toàn diện về tác động của BTA Việt Nam - Hoa Kỳ đối với môi trường đầu tư tại Việt Nam, năm 2006, Cục Đầu tư nước ngoài thuộc Bộ Kế hoạch - Đầu tư đã gửi phiếu điều tra tới các nhà đầu tư nước ngoài. Kết quả có hơn một nửa doanh nghiệp khẳng định, BTA đã tác động quan trọng quyết định đầu tư của họ tại Việt Nam, với lý do BTA là bước đệm cho việc mở ra nhiều cơ hội kinh doanh thuận lợi hơn...

Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, những con số về đầu tư của Hoa Kỳ tại Việt Nam nêu trên chưa phản ánh được luồng vốn đầu tư của Hoa Kỳ vào Việt Nam. Hiện một số công ty, tập đoàn lớn của Hoa Kỳ như Tập đoàn Coca Cola, Procter & Gamble, Unocal, Conoco... đầu tư vào Việt Nam thông qua các chi nhánh, công ty con của mình đăng ký tại một số nước khác như British Virgin Island, Singapore, Hồng Kông... Các công ty và tập đoàn này đầu tư khá lớn tại Việt Nam nhưng chưa được thể hiện trong con số thống kê đầu tư của Hoa Kỳ tại Việt Nam.

Nhiều công ty, tập đoàn lớn của Hoa Kỳ hiện đã có mặt tại Việt Nam và đã khẳng định được chỗ đứng của mình tại thị trường Việt Nam như Starwood Hotels & Resorts, Citigroup và American Group, New York & Company, Alfonso DeMatteis, Dickerson Knight Group, AIA...

Theo ước tính, để đảm bảo mục tiêu tăng trưởng GDP bình quân 7,5 - 8%/năm cho giai đoạn 2006-2010, thì nhu cầu vốn đầu tư nước ngoài (ĐTNN) của Việt Nam trong vòng 5 năm tới khoảng 30 tỷ USD. Bên cạnh đó, Việt Nam cần đặc biệt quan tâm đến việc tiếp cận, ứng dụng các công nghệ cao từ các nước phát triển để phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp

hoá - hiện đại hoá đất nước. Hoa Kỳ là nơi hội tụ của nhiều tập đoàn xuyên quốc gia (TNCs), có thế mạnh về tài chính và công nghệ hiện đại, mạng lưới thị trường quốc tế và kỹ năng quản trị kinh doanh. Các lợi thế nêu trên một khi được kết hợp với các lợi thế của Việt Nam sẽ mang lại lợi ích to lớn và thiết thực cho cả hai bên. Việt Nam chủ trương hướng mạnh vào việc tiếp cận và thu hút đầu tư từ các TNCs của Hoa Kỳ theo cả hai hướng: thực hiện những dự án lớn, công nghệ cao hướng vào xuất khẩu, tạo điều kiện để một số TNCs xây dựng các trung tâm nghiên cứu gắn với đào tạo nguồn nhân lực.

3. Đánh giá và kết luận.

Các thành tựu đạt được trong hoạt động thương mại thời gian qua đã xác nhận những thành quả đạt được của BTA và khẳng định quyết tâm của cả hai nước nhằm đưa quan hệ thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ lên một tầm cao mới. Kim ngạch thương mại song phương sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ, cùng với những nỗ lực cao từ cả hai phía nhà nước và doanh nghiệp là những tiền đề to lớn, thể hiện các tiềm năng phát triển và tạo ra cơ hội mới thu hút sự quan tâm của các doanh nghiệp và các nhà đầu tư Hoa Kỳ.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, quan hệ thương mại hai nước vẫn bộc lộ những hạn chế:

Mặc dù hàng hoá xuất khẩu từ Việt Nam vào thị trường Hoa Kỳ tăng nhanh, nhưng thực tế mới chỉ chiếm khoảng 0,5% tại thị trường này. Hai mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn của Việt Nam là hàng may mặc cũng mới chỉ chiếm 4,7% tại thị trường Hoa Kỳ, mặt hàng lớn nhất là giày dép cũng chỉ dừng ở con số là 4%. Chính vì

vậy còn rất nhiều cơ hội cho hàng xuất khẩu của Việt Nam gia tăng thị phần.

Tỷ trọng nhập khẩu tăng, nhưng cơ cấu hàng nhập khẩu chưa hợp lý. Ví dụ mặt hàng thức ăn gia súc ta có thể sản xuất được, vì vậy, cần tiết kiệm ngoại tệ cho việc nhập khẩu mặt hàng này và sử dụng những biện pháp để hạn chế nhập siêu. Ta cần khuyến khích nhập khẩu từ thị trường Hoa Kỳ những sản phẩm công nghệ cao, công nghệ nguồn.

Bên cạnh việc thực hiện nghiêm túc các cam kết giảm thuế, một số mặt hàng có mức thuế thấp hơn nhiều so với cam kết, đòi hỏi phải xem xét lại mức độ bảo hộ cao đối với một số ngành, khu vực (thuế nhập khẩu linh kiện lắp ráp cao, trong khi thuế nhập khẩu sản phẩm hạ từ 0 - 5%).

Một số vấn đề cần xem xét là mặc dù đầu tư của Hoa Kỳ vào Việt Nam còn thấp, nhưng lại là đầu tư thâm dụng vốn và công nghệ, còn xuất khẩu của Việt Nam là thâm dụng về lao động, điều này sẽ tạo thế áp đảo đối với hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam trong tương lai. Mặt khác, Việt Nam chưa được Hoa Kỳ công nhận là nền kinh tế thị trường, điều này cũng không có lợi cho hàng hoá của Việt Nam khi xuất khẩu vào Hoa Kỳ.

Việc xuất khẩu hàng hoá của Việt Nam cũng đang có nguy cơ bị kiện bán phá giá, để tránh thiệt hại, ngay

từ bây giờ doanh nghiệp Việt Nam nên đa dạng sản phẩm và từng bước chuyển hướng thị trường xuất khẩu. BTA chỉ mở cánh cửa đầu tiên cho Việt Nam trong tiến trình hội nhập. Sử dụng nó như thế nào để đạt hiệu quả là tùy thuộc vào chính sách và năng lực của Việt Nam.

Việt Nam vẫn là một địa điểm hấp dẫn đối với các doanh nghiệp Hoa Kỳ. "Các công ty Hoa Kỳ sẵn sàng mở rộng sang thị trường Việt Nam vì Việt Nam vẫn đang tiếp tục mở cửa và hội nhập với nền kinh tế thế giới. Tuy nhiên, nhiều doanh nghiệp Hoa Kỳ cũng bày tỏ mong muốn có sự minh bạch hơn trong hệ thống pháp quy, nhằm tạo ra một sân chơi bình đẳng cho các doanh nghiệp nước ngoài cũng như bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ" ■

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Công nghiệp và Thương mại, 2008. *Diễn đàn thương mại và đầu tư Việt Nam sau khi gia nhập WTO*, tháng 1. Hà Nội.
2. Thương vụ Việt Nam tại Hoa Kỳ, 2007. *Xuất khẩu sang Hoa Kỳ - Những điều cần biết*.
3. *Tạp chí Châu Mỹ Ngày nay*, các số năm 2007 và 2008.
4. Trang thông tin điện tử:
<http://www.usitc.gov>;
<http://www.vnexpress.net>;
<http://www.vietnam.net>

Bài viết tham gia Đề tài KX.01-03/06-10.